

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/DS-ST

Ngày: 16-3- 2022

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Thân Văn Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Ngôn

2. Bà Nguyễn Thị Lại

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Duy Tuyên- Thư ký Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Dương Quỳnh- Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 99/2020/TLST- DS ngày 12/11/2020 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST- DS ngày 04 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST-DS ngày 16/02/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của anh C: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1958 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang

Bị đơn: Anh Dương Công T, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của chị T: Bà Nguyễn Thị Lộc, sinh năm 1957 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang

2. Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang

3. Ông Dương Công Ng, sinh năm 1955 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang

4. Bà Dương Thị B, sinh năm 1955 (vắng mặt)

Địa chỉ : Thôn R, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/7/2020, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Năm 2018 vợ chồng anh chị nhận chuyển nhượng thửa đất số 09 sơ đồ phân lô của thôn R, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang của vợ chồng anh Hoàng Minh H và chị Nguyễn Thị V là người cùng thôn (hiện ở giáp đất của nhà vợ chồng anh chị) có diện tích $150m^2$, có tứ cận là mặt tiền giáp đường dài 6,0m, mặt sau giáp cánh đồng dài 6,0m; cạnh giáp nhà vợ chồng anh T và vợ chồng anh H dài 25m.

Năm 2020 khi vợ chồng anh H xây nhà, vợ chồng anh ra kiểm tra đo từ giáp tường nhà anh H sang giáp tường nhà vợ chồng anh T thì thấy mặt tiền của thửa đất chỉ dài 5,55m, mặt sau dài 5,93m. So sánh thì thấy hiện trạng không đúng như trong sơ đồ phân lô và GCNQSDĐ mà nhà nước đã cấp cho vợ chồng anh chị. Anh C đã làm đơn yêu cầu UBND xã T kiểm tra hiện trạng thửa đất xác định nguyên nhân dẫn đến thửa đất của vợ chồng anh chị bị thiếu.

Sau khi UBND xã T kiểm tra, đo lại các thửa đất phân lô bán đấu giá đã thông báo kết quả cho gia đình anh và gia đình anh T biết: Hiện trạng thửa đất của nhà anh là $143,2m^2$ đất, thiếu $6,6m^2$ so với kết quả đấu giá và GCNQSDĐ. Nguyên nhân đất nhà anh thiếu là do nhà anh Dương Công T khi xây nhà đã xây lấn sang phần đất của gia đình anh.

Qua hòa giải tại địa phương, 02 bên không thống nhất được cách giải quyết nên anh đã khởi kiện vụ án ra tòa.

Anh chị đề nghị Tòa án buộc anh T trả vợ chồng anh diện tích đất lấn chiếm là $6,8m^2$ tính theo giá trị quyền sử dụng đất trên cơ sở kết quả định giá tài sản là $x 7.000.000\text{đồng}/1m^2 = 47.600.000\text{ đồng}$.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông Đ cho rằng các hộ còn lại từ lô số 01 đến 08 đều đủ đất, chỉ có đất nhà anh C thiếu còn đất nhà anh T thì thừa, kết quả đo đạc từ xã đến huyện đều xác định nguyên nhân là do nhà anh T lấn sang đất nhà anh C.

Theo các lời khai trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn trình bày: Nguồn gốc thửa đất hiện anh đang sử dụng có diện tích $143,6m^2$ tại thôn R, xã T là của bố mẹ anh là ông Dương Công Ng và bà Dương Thị B mua được do trúng đấu thầu thuộc lô số 10. Ngày 13/10/2016, UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bố mẹ anh thửa đất này. Đến ngày 23/5/2019, bố mẹ anh làm thủ tục tặng cho thửa đất trên cho anh. Thời điểm này anh đã lấy vợ và sinh sống cùng chị Đỗ Thị H được 4 năm. Anh xác định việc tặng cho thửa đất trên là đúng trình tự, thủ tục quy định. Sau

khi được cho đất, vợ chồng sinh sống và sử dụng trên thửa đất này ngay. Trước đó, năm 2017 bố mẹ anh xây dựng căn nhà 3 tầng diện tích 90m² sau này cho vợ chồng anh ở. Anh xác định tài sản trên đất do bố mẹ anh trực tiếp xây dựng nên, vợ chồng anh không có đóng góp gì. Khi bố anh chuẩn bị xây nhà, đã gọi ông Đ đến xác định ranh giới đất giữa 02 nhà 02 lần, ông Đ không có ý kiến gì. Sau khi xác định xong và cắm mốc bố anh mới đào móng xây nhà trên đất. Từ năm 2017 đến năm 2020 không có tranh chấp gì. Đến khi nhà anh H xây nhà, nhà ông Đ mới có tranh chấp với gia đình anh. Anh cho rằng anh sử dụng đúng diện tích được cấp, phần diện tích đất nhà anh C thiếu không phải do anh lấn chiếm mà là do nhà anh H lấn chiếm. Diện tích đất nhà anh tăng thêm là do anh sử dụng sang cả phần đất nhà ông Nghiên và phần lưu không giữa thửa số 10 và đất của nhà ông Nghiên.

Theo anh đề xác định nguyên nhân nhà anh C thiếu đất cần đo cả 10 lô đất bằng thước dây vì thời điểm phân chia lô đất đều kéo thước để chia đất. Lấy mương cứng làm điểm mốc để đo vẽ kéo từ lô 01 đến lô số 10 của gia đình anh. Gia đình anh tự kiểm tra thì thấy từ lô số 01 giáp mương cứng đến lô số 04 mặt trước có chiều dài 18,5m vênh 50cm, phía sau đủ. Anh không đồng ý lấy mốc từ nhà số 04 đo về lô đất 10 của gia đình anh. Anh xác định mốc để đo chính xác phải là điểm mốc bờ mương thuộc lô số 1. Anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị T đồng ý với ý kiến của nguyên đơn không bổ sung gì.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của chị T giữ nguyên ý kiến của chị T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đỗ Thị H đồng ý với ý kiến của bị đơn không bổ sung gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Công Ng trình bày: Nguồn gốc thửa đất số 10, tờ bản đồ sơ đồ phân lô, diện tích 143,6m² tại thôn R, xã T là của vợ chồng ông mua được do trúng đấu thầu. Sau khi trúng thầu, gia đình ông được UBND xã T (có anh Toàn – cán bộ địa chính xã) giao đất và chỉ rõ các điểm mốc giới (đo đến đầu đóng cọc, kẻ sơn đến đó), đóng cọc 3 điểm (gồm điểm phía mặt trước, điểm phía mặt sau thửa đất số 10 giáp thửa số 9; và điểm kéo dài qua đường nằm ở vị trí cổng nhà ông Tam). Điểm mốc phía sau vẫn còn nguyên, điểm mốc mặt trước giáp đường đã thay đổi do làm đường và điểm mốc nhà ông Tam không còn do gia đình ông Tam làm cổng.

Ngày 13/10/2016, UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông thửa đất này.

Năm 2017, vợ chồng ông xây nhà, trước khi xây nhà địa chính khi giao đất đã giao mốc giới rõ ràng nên gia đình ông xây dựng theo mốc giới đó chứ không mời địa

chính đến chỉ mốc giới khi xây nhà. Đồng thời, ông mời ông Đ (bố đẻ anh C) lên xác định mốc giới giáp ranh hai nhà, ông Đ không có ý kiến gì. Khoảng cách từ đất của ông có ngôi nhà cấp 4 đến đất ông cho anh T khoảng 2 mét. Khi ông xây nhà, ông Đ và anh C không có ý kiến gì. Ông không nhất trí việc UBND xã T xác định khoảng cách giáp ranh giữa đất của ông với đất ông cho anh T là 30cm.

Đến ngày 23/5/2019, vợ chồng ông làm thủ tục tặng cho thửa đất trên cho con trai là Dương Công T. Ông xác định việc tặng cho thửa đất trên là đúng trình tự, thủ tục quy định. Tài sản trên đất là căn nhà 3 tầng diện tích 90m² do vợ chồng ông xây dựng năm 2017. Thời điểm vợ chồng ông tặng cho thửa đất trên cho anh T thì tài sản trên đất chưa đăng ký quyền sở hữu nên không làm thủ tục tặng cho được. Tuy nhiên, ông xác định vợ chồng ông tặng cho cả nhà và đất cho anh T sở hữu, sử dụng. Sau khi làm thủ tục tặng cho, vợ chồng ông không sống cùng anh T. Anh T có toàn quyền đối với thửa đất số 10, tờ bản đồ sơ đồ phân lô, diện tích 143,6m² tại thôn R, xã T và ngôi nhà 03 tầng diện tích 90m² là tài sản trên đất.

Ông xác định gia đình ông không lấn chiếm đất của gia đình anh C nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị B không có ý kiến gì.

Kết quả xác minh lãnh đạo thôn R và lãnh đạo UBND xã T cho biết: Hiện tại mốc giới giáp với lô số 01 có biến động do đường được mở rộng và mương cứng xây sau khi phân lô đấu giá. Chỉ còn mốc giới của lô số 10 là vẫn giữ nguyên, do đó để xác định chính xác mốc giới, cạnh thửa cần lấy điểm giáp ranh với lô số 10 làm chuẩn để đo đạc lấy số liệu. Ngoài ra 08 lô đất còn lại các hộ sử dụng ổn định không có tranh chấp.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và của HĐXX tại phiên tòa đó chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; việc tuân theo pháp luật của các đương sự: nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị T và ông Nghiên chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Huyền và bà Bình chưa chấp hành đầy đủ nghĩa vụ, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện V áp dụng Điều 26, 35, 39, 147, 157, 158, 165, 166, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, 174, 175, 176 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều Điều 95, 99, 166, 170, 203 Luật đất đai năm 2013; điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bị đơn là anh Dương Công T phải trả lại cho anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị T diện tích đất lấn chiếm là 6,8m² thuộc thửa đất số 09 tờ bản đồ phân lô thuộc thôn R, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang tính theo giá trị bằng tiền là 47.600.000đồng. Anh Dương Công T có quyền đi đăng ký biến động quyền sử dụng đất với cơ quan có thẩm quyền.

Bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng và án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt nhưng người đại diện theo ủy quyền có mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị T vắng mặt nhưng người đại diện theo ủy quyền có mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Huyền và bà Dương Thị B vắng mặt nhưng được Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Căn cứ vào Điều 227, 228 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Quyền khởi kiện: Anh Nguyễn Văn C được UBND huyện V công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 09 sơ đồ phân lô của thôn R, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang có diện tích 150m² Anh C cho rằng anh Dương Công T có hành vi lấn chiếm sử dụng trái phép đất thuộc quyền sử dụng của anh. Nên anh C có quyền khởi kiện để được bảo vệ quyền sử dụng đất.

[1.2] Thẩm quyền giải quyết và quyền khởi kiện: Vụ việc đã được hòa giải tại UBND xã T theo quy định tại Điều 202 Luật đất đai. Đơn khởi kiện của anh C cùng các tài liệu nộp kèm theo đơn là hợp lệ, đảm bảo đúng theo quy định của Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn, đối tượng tranh chấp đều trên địa bàn huyện V. Theo Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V.

[2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về nguồn gốc diện tích đất có tranh chấp: Cả 02 thửa đất số 09 và 10 thuộc sơ đồ phân lô thôn R và thôn Ngụộn xã T, huyện V. Cả nguyên đơn và bị đơn đều là những người nhận chuyển nhượng lại của người trúng đấu giá và được công nhận quyền sử dụng đất. Ngày 24/4/2018 anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị T nhận chuyển nhượng lô số 09 từ anh Hoàng Minh H và chị Nguyễn Thị V. Ngày 23/5/ 2019 anh Dương Công T được nhận tặng cho quyền sử dụng đất thửa số 10 từ ông Dương Công Ng và bà Dương Thị B.

Trên cơ sở kết quả thẩm định tại chỗ đối chiếu với số đồ phân lô đã xác định được kết quả như sau:

Theo sơ đồ phân lô, thửa đất số 09 của nhà anh C, chị T có các điểm theo hệ tọa độ VN 2000 là các điểm EFBA, có diện tích là 150m². Có tứ cận là cạnh phía Đông (BF) giáp đường Quán rãnh đi T dài 6m, cạnh phía Tây (AE) giáp cánh đồng có chiều dài 6m, cạnh phía Bắc (EF) giáp đất nhà anh H và cạnh phía Nam (AB) giáp đất anh T cùng có chiều dài là 25m. Nhưng hiện trạng của thửa đất theo hệ tọa độ VN 2000 là các điểm A1EFB1, có diện tích là 143,2m² có tứ cận là cạnh phía Đông (B1F) giáp

đường Quán rãnh đi T dài 5,55m, cạnh phía Tây (AE) giáp cánh đồng có chiều dài 5,91m, cạnh phía Bắc (EF) giáp đất nhà anh H và cạnh phía Nam (AB) giáp đất anh T cùng có chiều dài là 25m.

Theo sơ đồ phân lô, thửa đất số 10 của nhà anh T có các điểm theo hệ tọa độ VN 2000 là các điểm ABCD, có diện tích là $143,6m^2$ có tứ cận là cạnh phía Đông (BC) giáp đường Quán rãnh đi T dài 5,5m, cạnh phía Tây (AD) giáp cánh đồng có chiều dài 6m, cạnh phía Bắc (AB) giáp đất nhà anh C và cạnh phía Nam (CD) giáp đất ông Nghiên bà Bình cùng có chiều dài là 25m. Nhưng hiện trạng của thửa đất theo hệ tọa độ VN 2000 là các điểm A1B1CD có diện tích là $150,4 m^2$, có tứ cận là cạnh phía Đông (B1C) giáp đường Quán rãnh đi T dài 5,95m, cạnh phía Tây (A1D) giáp cánh đồng có chiều dài 6,09m, cạnh phía Bắc (A1B1) giáp đất nhà anh C và cạnh phía Nam (CD) giáp đất ông N, bà B cùng có chiều dài là 25m.

Ý kiến của anh Dương Công T và ông Dương Công Ng về việc không công nhận kết quả thẩm định và yêu cầu thẩm định bằng phương pháp thủ công kéo thước dây để đo diện tích cả 10 lô đất trúng đấu giá, lấy bờ mương cứng giáp lô 01 theo sơ đồ phân lô để đo từ lô 01 đến lô 10 để xác định hiện trạng sử dụng đất của các lô là không có căn cứ. Vì qua xác minh tại địa phương và kiểm tra thực tế, khi phân lô đấu giá từ lô 01 đến lô 10 không lấy bờ mương làm điểm cố định mà lấy tim (07m) đường và điểm tiếp **giáp** với công trình nhà ông Dương Công Ng (0,3m) làm mốc cố định. Nhưng hiện tại tim đường đã thay đổi do đường được mở rộng tăng từ 2,5m lên 3,5m và hành lang đường cũng có sự biến động dẫn đến tim đường thời điểm hiện tại không giống với tim đường thời điểm phân lô. Còn điểm tiếp giáp với đất nhà ông Dương Công Ng vẫn giữ nguyên điểm cố định. Do đó việc lấy điểm cố định theo hướng tiếp giáp đất của ông Dương Công Ng là phù hợp.

Căn cứ vào việc đối chiếu kết quả thẩm định đất có tranh chấp với sơ đồ phân lô Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện trạng thửa 09 nhà anh C, chị T thiếu diện tích $6,8m^2$, cạnh phía Đông thiếu 0,45m, cạnh phía Tây thiếu 0,09m. Còn thửa đất số 10 của nhà anh Dương Công T thừa $6,8m^2$, cạnh phía Đông thừa 0,45m, cạnh phía Tây thừa 0,09m. Nguyên nhân dẫn đến việc thửa 09 thiếu đất, thửa 10 thừa đất là do chủ sử dụng đất của thửa đất số 10 đã có hành vi lấn chiếm làm thay đổi ranh giới và hiện trạng đất.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn là anh Dương Công T trả lại $6,8m^2$ tính theo trị giá bằng tiền ở thời điểm xét xử 47.600.000 đồng là phù hợp cần được chấp nhận.

Về chi phí tố tụng 02 lần thẩm định và 01 lần định **giá** hết 4.000.000 đồng. Xác nhận Số tiền này nguyên đơn đã nộp đủ, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn chịu toàn bộ chi phí. Yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp cần buộc bị đơn chịu toàn bộ chi phí tố tụng và phải trả nguyên đơn toàn bộ số tiền trên.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 8, 166, 174, 175, 176 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 95, Điều 99, Điều 166, Điều 170; Điều 202, Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

Các điều 26, 35, 135, 136, 227, 228, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 161, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 25 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bị đơn là anh Dương Công T phải trả lại cho anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị T 6,8m² đất thuộc thửa đất số 09 tờ bản đồ phân lô thôn Ngụen và thôn R, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang tính theo giá trị bằng tiền là 47.600.000đồng. Anh Dương Công T được quyền sử dụng diện tích đất lấn chiếm có diện tích 6,8m² thuộc thửa đất số 09 của anh C, chị T theo sơ đồ thẩm định là hình A1B1BA và có quyền đi đăng ký biến động quyền sử dụng đất với cơ quan có thẩm quyền. (có sơ đồ thửa đất kèm theo bản án)

Chi phí thẩm định, định giá tài sản: Nguyên đơn đã nộp đủ tiền tiền thẩm định, định giá tài sản. Buộc bị đơn là anh Dương Công T có trách nhiệm trả cho nguyên đơn là anh Nguyễn Văn C số tiền thẩm định, định giá tài sản là 4.000.000đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Anh Dương Công T phải chịu 2.380.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Thân Văn Hiếu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đỗ Văn Ngôn	Nguyễn Ngọc vân	Thân Văn Hiếu